

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2020

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-DS ngày 12/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐ-ST ngày 30/6/2020, giữa:

1. Nguyên đơn : Chị **Phạm Thị Ch**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn H, xã Th, huyện B, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn V**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã Th, huyện B, tỉnh Hải Dương
Hiện đang lao động tại Cộng hòa liên bang Nga.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Thị Ch trình bày: Chị và anh V tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th ngày 04/3/1997. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian, sau khi sinh con đầu lòng năm 1998 anh V sang Cộng hòa liên bang Nga lao động. Đến năm 2006 anh V về thăm gia đình, anh chị sinh thêm con, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vì vậy, anh V tiếp tục sang Nga lao động và chấm dứt liên lạc, không quan tâm đến mẹ con chị. Chị cũng tìm cách liên lạc để thuyết phục anh

V về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V theo quy định của pháp luật.

Về con chung : Chị và anh V có 2 con chung là Phạm Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 20/11/1997 và cháu Phạm Đức Phúc V, sinh ngày 09/9/2007. Hiện tại con chung là Phạm Quỳnh Tr đã trưởng thành ly hôn chị không yêu cầu giải quyết, chị có nguyện vọng được nuôi con chung Phạm Đức Phúc V và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung : Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Ch trình bày: Bố mẹ đẻ anh V hiện đã chết, anh chị em ruột của anh V đã xây dựng gia đình mỗi người ở một nơi, hiện tại ở địa phương có anh Phạm Văn Th là anh trai anh V sinh sống ở thôn Thôn H, xã Th, huyện B, tỉnh Hải Dương. Do chị Ch không cung cấp được địa chỉ của anh V ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của anh Th. Anh Th xác định anh V đi lao động tại Nga từ năm 1998, từ khi đi anh V có về Việt Nam thăm gia đình một lần vào năm 2006, đến năm 2007 anh V tiếp tục sang nước ngoài lao động cho đến nay chưa về Việt Nam. Việc chị Ch làm đơn ly hôn anh V đã thông báo cho anh biết, nguyên nhân do anh V đi nước ngoài không về, không quan tâm đến vợ con. Thỉnh thoảng anh V có gọi điện về cho anh hỏi thăm gia đình. Anh Th đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh V biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các bản bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông tin cho anh V biết, nhưng anh V không có quan điểm cụ thể, mà để chị Ch tự quyết định.

Tòa án xác minh tại thôn, Hội phụ nữ xã, chính quyền địa phương nơi chị Ch, anh V sinh sống, thể hiện: Anh V, chị Ch có đăng ký kết hôn tại xã, vợ chồng sống cùng nhau được một thời gian ngắn, năm 1998 anh V đi nước ngoài lao động, từ khi đi đến năm 2006 anh V có về Việt Nam thăm gia đình, sau đó lại tiếp tục đi nước ngoài, từ đó đến nay chưa về. Ở địa phương chị Ch nuôi dạy hai con, có thời gian chị Ch đi nước ngoài lao động, hiện tại có mặt tại Việt Nam. Nay chị Ch có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật xem xét, bảo vệ quyền lợi của chị em phụ nữ và trẻ em.

Con chung của chị Ch, anh V là cháu Phạm Đức Phúc V có nguyện vọng ở với chị Ch trong trường hợp chị Ch, anh V ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của BLTTDS. Do chưa đảm bảo thời gian chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 476 của Bộ luật tố tụng

dân sự (BLTTDS) nên đề nghị tạm ngừng phiên tòa và tiếp tục yêu cầu đương sự cung cấp địa chỉ của bị đơn đến khi hết thời hạn chuẩn bị xét xử. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương không có quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ch có đơn khởi kiện anh Phạm Văn V có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn Thôn H, xã Th, huyện B, tỉnh Hải Dương, hiện anh V đang sinh sống ở nước ngoài không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, TAND tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ch không cung cấp được địa chỉ của anh V ở nước ngoài. Ở Việt Nam, bố mẹ đẻ anh V đều đã chết, anh V thường xuyên liên lạc với anh trai là Phạm Văn Th. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã nhiều lần đề nghị người thân của anh V cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Mặt khác anh Th đã nhận các văn bản tố tụng và cam đoan thông báo cho anh V biết việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị Ch với anh V. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên đến ngày xét xử anh V vẫn vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Ch có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ch và anh Phạm Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B tỉnh Hải Dương ngày 04/3/1997 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, năm 1998 anh V đi nước ngoài lao động, từ khi đi đến nay anh V có về thăm gia đình một lần. Vợ chồng có những bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Năm 2007 anh V tiếp tục đi lao động ở nước ngoài, không liên lạc và quan tâm gì tới gia đình. Chị Ch tìm cách liên lạc và thuyết phục anh V về Việt Nam đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Thông qua gia đình, anh V biết việc chị Ch có đơn đề nghị giải quyết ly hôn nhưng anh không có quan điểm mà để chị Ch tự quyết định, giải quyết theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ch, anh V đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ lâu không ai quan tâm tới ai, cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ch về việc ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Ch và anh Phạm Văn V có 02 con là Phạm Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 20/11/1997 và Phạm Đức Phúc V, sinh ngày 09/9/2007. Hiện con chung Phạm Quỳnh Tr đã trưởng thành, chị Ch không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết. Con chung là Phạm Đức Phúc V hiện đang sinh sống cùng chị Ch và có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thực tế từ nhỏ cháu V ở với Ch, còn anh V hiện đang ở nước ngoài, không có mặt ở Việt Nam nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. HĐXX chấp nhận giao cháu V cho chị Ch nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ch không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng cho con. Sau này anh V về Việt Nam sinh sống, nếu như có căn cứ thì anh V có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết yêu cầu thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ch không yêu cầu, anh V không có quan điểm gì về tài sản nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này chị Ch, anh V có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ch phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Ch ly hôn anh Phạm Văn V
2. Về con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Đức Phúc V, sinh ngày 09/9/2007 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ch không yêu cầu anh Phạm Văn V phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Phạm Văn V thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Ch phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình). Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Ch đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0000750 ngày 27/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Ch được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Phạm Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Th, huyện B.
- Lưu hồ sơ, Văn phòng, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân